

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành danh mục 102 thuốc sản xuất trong nước
được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 165 bổ sung**

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ Quyết định số 7868/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 102 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 165 bổ sung, cụ thể:

1. Danh mục 101 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (*Phụ lục I kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu VD-...-19 và hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

2. Danh mục 01 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 03 năm (*Phụ lục II kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu VD3-...-19 và hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Chấp hành đúng các quy định có liên quan tới sản xuất, lưu hành thuốc và phải in số đăng ký được Bộ Y tế cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Cập nhật nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo hình thức thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với thuốc chưa cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế, cụ thể như sau:

a) Đối với thuốc thuộc danh mục thuốc độc và nguyên liệu độc làm thuốc theo quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BYT ngày 03/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục thuốc độc và nguyên liệu độc làm thuốc: chỉ được đưa thuốc ra lưu hành trên thị trường sau khi được Cục Quản lý Dược phê duyệt nội dung cập nhật này.

b) Đối với các thuốc khác phải thực hiện việc cập nhật này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy đăng ký lưu hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiên (để b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ;
- Viện KN thuốc TỰ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCTTra, Website;
- Lưu: VT, ĐKT(15b).

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Cường

PHỤ LỤC I. DANH MỤC 101 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ
LƯU HÀNH HIỆU LỰC 5 NĂM - ĐỢT 165 BỔ SUNG

Ban hành kèm theo Quyết định số: 650./QĐ-QLD, ngày 23.10.1.2019

1. Công ty đăng ký: Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương (Đ/c: Số 27 VSIP - Đường số 6 - KCN Việt Nam-Singapore - Phường An Phú - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

1.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương (Đ/c: Số 27 VSIP - Đường số 6 - KCN Việt Nam-Singapore - Phường An Phú - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Denicol	Mỗi chai 15ml chứa: Natri borat 3,87g	Dung dịch rò miệng	36 tháng	TCCS	Hộp 01 chai nhựa 15ml	VD-33133-19

2. Công ty đăng ký: Cơ sở đặt gia công: Công ty cổ phần dược phẩm Xanh (Đ/c: Số 695 - Đường Lê Hồng Phong - Phường 10 - Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

2.1 Nhà sản xuất: Cơ sở nhận gia công: Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương (Đ/c: Số 27 VSIP - Đường số 6 - KCN Việt Nam-Singapore - Phường An Phú - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
2	Thanh nhiệt tiêu độc	Cao khô dược liệu (tương đương: Sài đất 500mg; Kinh giới 500mg; Thương nhĩ tử 485mg; Phòng phong 375mg; Thỏ phục linh 330mg; Đại hoàng 330mg; Kim ngân hoa 132mg; Liên kiều 125mg; Hoàng liên 110mg; Bạch chỉ 88mg; Cam thảo	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-33134-19

		25mg) 300mg; Thô phục linh 45mg; Đại hoàng 45mg; Kim ngân hoa 18mg; Thương nhĩ tử 15mg; Hoàng liên 15mg; Bạch chi 12mg					
--	--	---	--	--	--	--	--

3. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Apimed. (Đ/c: 263/9 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)

3.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Apimed (Đ/c: Đường N1, cụm công nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
3	Lotadin 10 ODT	Loratadin 10mg	Viên nén phân tán trong miệng	36 tháng	USP 40	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-33135-19
4	Olanzax 5 ODT	Olanzapin 5mg	Viên nén phân tán trong miệng	36 tháng	USP 41	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-33136-19
5	Palorex 5 ODT	Desloratadin 5mg	Viên nén phân tán trong miệng	24 tháng	USP 40	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-33137-19

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược ATM (Đ/c: 89F, Nguyễn Văn Trỗi, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp Hà Nội - Việt Nam)

4.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh (Đ/c: 167 Hà Huy Tập, Tp. Hà Tĩnh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
6	Alphavimin	Mỗi 5ml chứa: Lysin hydrochlorid 100mg ; Thiamin hydrochlorid (Vitamin B1) 1mg ; Riboflavin sodium phosphat (Vitamin B2) 1,15mg ; Pyridoxin hydrochlorid (Vitamin B6) 2mg ;	Siro thuốc	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 80ml, 100ml; Hộp 10 ống, 20 ống x 5ml; Hộp 10 ống, 20 ống x 7,5ml; Hộp 10 ống, 20 ống x 10ml	VD-33138-19

		Cholecalciferol (Vitamin D3) 133,35IU ; D,L-alpha-Tocopheryl acetat (Vitamin E) 5mg ; Nicotinamid (Vitamin PP) 6,65mg ; Dexpantenol 3,35mg ; Calci (dưới dạng Calci lactat pentahydrat) 43,35mg					
--	--	--	--	--	--	--	--

5. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh (Đ/c: 167 Hà Huy Tập, Tp. Hà Tĩnh - Việt Nam)

5.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh (Đ/c: 167 Hà Huy Tập, Tp. Hà Tĩnh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
7	Highercoldz One	Desloratadin 5mg	Viên nén phân tán	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ x 30 viên; Hộp 1 lọ x 50 viên	VD-33139-19

6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR (Đ/c: 18 Ngô Quyền, Phường 6, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam)

6.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR (Đ/c: 18 Ngô Quyền, Phường 6, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
8	Cyna Extra	Mỗi 2g chứa cao đặc Actiso (tương đương 100g lá tươi Actiso) 2,5g	Thuốc cốm	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 100g, Hộp 30 gói x 2g	VD-33140-19

7. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần dược Medipharco (Đ/c: Số 8, Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế - Việt Nam)

7.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần dược Medipharco (Đ/c: Số 8, Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
9	Pavado Cầm cúm	Paracetamol 500 mg; Cafein 25 mg; Phenylephrin HCl 5 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-33141-19

8. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 (Đ/c: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

8.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 (Đ/c: 930 C4, Đường C, Khu công nghiệp Cát Lái, Cụm 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, Q.2, TP HCM. - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
10	Natyline	Loratadin 10 mg	Viên nén	36 tháng	USP 34	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-33142-19

9. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm (Đ/c: Số 27 Nguyễn Thái Học, Phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, An Giang - Việt Nam)

9.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm (Đ/c: Đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
11	Agdicerin	Diacerein 50 mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ (nhôm/PVC) x 10 viên; Hộp 3 vỉ (Nhôm/nhôm) x 10 viên; Hộp 1 chai 100 viên, 200 viên	VD-33143-19
12	Agidopa 125	Methyldopa 125 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ, 03 vỉ, 06 vỉ, 10 vỉ x 10 viên/vỉ.	VD-33144-19
13	Doagithicon	Simethicon (dưới dạng nhũ tương Simethicon 30%)	Nhũ tương uống	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 30 ml.	VD-33145-19

14	Exgingo 40	2,0 g Cao lá bạch quả (tương đương Flavonol glycosid 9,6 mg) 40 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-33146-19
----	------------	--	----------------------	-------------	------	-----------------------	-------------

10. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên (Đ/c: 314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

10.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên (Đ/c: Lô C16, đường số 9, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
15	Ardon	Mỗi ống 10 ml dung dịch uống chứa: L-Arginin L-aspartat 5 g	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 20 ống, 30 ống, 50 ống x 10 ml	VD-33147-19
16	Trisula	Mỗi tuýp 10 g chứa: Betamethason dipropionate 6,4 mg; Clotrimazole 100 mg; Gentamicin (dưới dạng Gentamicin sulfat) 10 mg	Kem bôi da	36 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp 10 g; 15 g; 20 g; 30 g.	VD-33148-19

11. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam (Đ/c: Số 43, Đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)

11.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam (Đ/c: Số 43, Đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
17	Periboston	Cyproheptadin hydroclorid 4mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3, 5, 10 vỉ x 10 viên	VD-33149-19

12. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội (Đ/c: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội - Việt Nam)

12.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Đ/c: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
18	Acedrop	Mỗi 1 ml chứa: Acetylcystein 50 mg	Dung dịch nhỏ mắt	24 tháng	TCCS	Hộp 5 ống, 10 ống x ống 0,4 ml, ống 0,8 ml, ống 1 ml; Hộp 1 ống x 2ml, 3ml, 4ml, 5ml, 8ml, 10ml	VD-33150-19
19	Fosmitic	Mỗi 1 ml chứa: Fosfomycin natri 30 mg	Dung dịch nhỏ tai	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ. Lọ 2ml; 3ml; 5ml; 8ml; 10 ml.	VD-33152-19
20	Novocough	Mỗi 1 ml chứa: Levodropropizin 6 mg	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 10 ống, 20 ống, 30 ống, 40 ống x 5 ml/ống. Hộp 10 ống, 20 ống, 30 ống, 40 ống x 10 ml/ống. Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói, 40 gói x 5 ml/gói. Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói, 40 gói x 10 ml/gói. Hộp 1 lọ 30 ml, 60 ml, 120 ml.	VD-33153-19

13. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội (Đ/c: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội - Việt Nam)

13.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Đ/c: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
21	Bacom-BFS	Mỗi 1 ml dung dịch chứa Carbazochrom natri sulfonat 5mg	Dung dịch tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 1 ống, 10 ống, 20 ống, 50 ống x 5ml. Hộp 1 ống, 10 ống, 20 ống, 50 ống x 10ml	VD-33151-19

14. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú (Đ/c: Lô M7A, Đường D17, KCN Mỹ Phước 1, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

14.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú (Đ/c: Lô M7A, Đường D17, KCN Mỹ Phước 1, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
22	Dimagel	Dimethicon 300mg; Guaiazulen 4mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-33154-19

15. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội (Đ/c: 170 đường La Thành, Đống Đa, Hà Nội - Việt Nam)

15.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội (Đ/c: Lô 15, KCN. Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
23	Collydextra gold	Mỗi 5ml chứa: Gentamicin (dưới dạng Gentamicin sulfat) 15mg; Dexamethason natri phosphat 5mg	Dung dịch thuốc tra mắt, nhỏ mũi, nhỏ tai	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 5ml	VD-33155-19

16. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm (Đ/c: Số 04, đường 30/4, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)

16.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
(Đ/c: Số 22, đường số 2, KCN Việt Nam-Singapore II, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
24	Bacsulfo 0,25g/0,25g	Cefoperazon 0,25g; Sulbactam 0,25g (dưới dạng hỗn hợp bột vô khuẩn cefoperazon natri và sulbactam natri tỷ lệ (1:1))	Thuốc bột pha tiêm	24 tháng	ĐDVN V	Hộp 1 lọ, 10 lọ	VD-33156-19
25	Bacsulfo 1g/0,5g	Cefoperazon 1g; Sulbactam 0,5g (dưới dạng hỗn hợp bột vô khuẩn cefoperazon natri	Thuốc bột pha tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ, 10 lọ	VD-33157-19

		và sulbactam natri tỷ lệ (2:1))					
--	--	---------------------------------	--	--	--	--	--

17. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun (Đ/c: 521 khu phố An Lợi, phường Hoà Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

17.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun (Đ/c: 521 khu phố An Lợi, phường Hoà Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
26	Aimer	Vitamin D3 (cholecalciferol) 800 IU	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 30 viên nang mềm	VD-33158-19
27	Medynewcough	Dextromethorphan hydrobromid 7,5 mg	Viên ngậm	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ x 14 viên	VD-33159-19
28	Vitasun	Mỗi 10 ml chứa: Sắt nguyên tố (dưới dạng phức hợp Sắt (III) hydroxid polymaltose) 50 mg; Acid folic 500 mcg	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 20 ống nhựa x 10 ml	VD-33160-19

18. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV (Đ/c: Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam)

18.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV (Đ/c: Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
29	Teremazin 5	Alimemazine (dưới dạng Alimemazine tartrate) 5mg	Viên nén bao phim	48 tháng	BP2014	Hộp 5 vỉ x 10 viên; hộp 2 vỉ x 25 viên	VD-33161-19

19. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú (Đ/c: Lô số 12 Đường số 8, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. - Việt Nam)

19.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm (Đ/c: Lô số 12 Đường số 8, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
30	Chophytin	Mỗi viên chứa: Cao khô dược liệu (tương đương dược liệu: Mã đề 120 mg; Lá Actiso 120 mg; Chi tử 120 mg) 54 mg	Viên nén bao đường	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 180 viên; Hộp 24 chai x 40 viên	VD-33162-19

20. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú (Đ/c: Lô số 12 Đường số 8, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. - Việt Nam)

20.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm (Đ/c: Lô số 12 Đường số 8, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
31	Patandolusa cảm cúm	Paracetamol 500 mg; Caffein 25 mg; Phenylephrine hydrochloride 5 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ, 15 vỉ x 10 viên. Hộp 10 vỉ, 15 vỉ x 12 viên. Hộp 1 chai 100 viên, 200 viên, 500 viên	VD-33163-19

21. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Song Vân (Đ/c: 31 Tân Trang, Phường 9, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

21.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh (Đ/c: 167 Hà Huy Tập, Tp. Hà Tĩnh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
32	Simbe	Ezetimib 10mg; Simvastatin 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-33164-19

22. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco (Đ/c: 15 Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang - Việt Nam)

22.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco (Đ/c: 15 Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
33	Auclanityl 500/62,5mg	Mỗi gói 3,8g chứa: Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 500mg; Acid clavulanic (dưới dạng Potassium clavulanate/Syloid) 62,5mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 12 gói x 3,8g	VD-33165-19

23. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco (Đ/c: Lô 08, 09 cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, P9, TP Mỹ Tho, Tiền Giang - Việt Nam)

23.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco (Đ/c: 15 Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
34	Metronidazol 500mg	Metronidazol 500mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên; chai 100 viên	VD-33166-19
35	Prednison 5mg	Prednison 5mg	Viên nang cứng (tím bạc/hồng bạc)	36 tháng	TCCS	Chai 200 viên	VD-33167-19

24. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 (Đ/c: Số 9 - Trần Thánh Tông - Phường Bạch Đằng - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội - Việt Nam)

24.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 (Đ/c: Lô 27 Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
36	Hutatretin	Tretinoin 10 mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-33168-19

25. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3 (Đ/c: Số 16 - Lê Đại Hành - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - Tp. Hải Phòng - Việt Nam)

25.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3 (Đ/c: Số 28 - Đường 351 - Xã Nam Sơn - Huyện An Dương - Tp. Hải Phòng - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
37	Bát vị TW3	Hoài sơn 150mg; Phụ tử chế 55mg; Quế 55mg; Trạch tả 50mg; Cao đặc được liệu tương đương (Thực địa 200mg; Sơn Thù 200mg; Bạch linh 150mg; Mẫu đơn bì 150mg; Trạch tả 100mg; Hoài sơn 50mg) 370mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ x 10 viên; Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 01 chai 30 viên; Hộp 01 chai 60 viên	VD-33169-19
38	Bổ thận dương TW3	Mỗi túi 5g chứa: Thực địa 0,770g; Hoài sơn 0,385g; Khiếm thực 0,385g; Táo chua 0,385g; Thạch斛 0,285g; Tỳ giải 0,195g; Phụ tử chế 0,095g; Quế 0,095g	Hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 túi 5g; Hộp 01 túi 50g	VD-33170-19
39	Camsottdy.TW3	Xuyên khung 112mg; Khương hoạt 84mg; Phòng phong 56mg; Thương truật 56mg; Bạch chỉ 56mg; Sinh địa 56mg; Hoàng cầm 56mg; Cam thảo 28mg; Tế tân 28mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên	VD-33171-19
40	Cao ích mẫu TW3	Mỗi chai 100ml chứa: Ích mẫu 80g; Hương phụ 25g; Ngải cứu 20g	Cao lỏng	36 tháng	TCCS	Hộp 01 chai 125ml; Hộp 01 chai 150ml; Hộp 01 chai 200ml	VD-33172-19
41	Hoàn an thai Foripharm	Mỗi túi 5g chứa: Hoài sơn 600g; Thực địa 400g; Trữ ma căn 400g; Ngải cứu 400g; Tô ngạnh 210g; Tục đoạn	Hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 túi 5g; Túi 50g	VD-33173-19

		210g; Trần bì 100g; Hương phụ 100g; Sa nhân 100g; Cao xương hỗn hợp 80g					
42	Hoàn sâm lộc TW3	Mỗi hoàn mềm 8g chứa: Hoài sơn 1,052g; Câu tích 0,50g; Đảng sâm 0,50g; Thục địa 0,50g; Liên nhục 0,42g; Hà thủ ô đỏ 0,32g; Ba kích 0,28g; Kim anh 0,20g; Phá cố chỉ 0,068g; Cao Ban long 0,032g	Hoàn mềm	24 tháng	TCCS	Hộp 6 hoàn 8g; Hộp 10 hoàn 8g	VD-33174-19
43	Hoạt huyết dưỡng não	Cao khô Bạch quả (tương đương 2,2mg flavonoid toàn phần) 10mg; Cao đặc Đinh lăng (tương đương 1,15g rễ Đinh lăng) 190mg	Viên nén bao đường	24 tháng	TCCS	Hộp 05 vỉ x 20 viên	VD-33175-19
44	Ích mẫu TW3	Cao đặc Ích mẫu (tương đương 1,28g Ích mẫu) 171mg; Hương phụ chế 400g; Cao đặc Ngải cứu (tương đương 0,32g Ngải cứu) 54mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên	VD-33176-19
45	Lục vị TW3	Bạch linh 120mg; Mẫu đơn bì 120mg; Hoài sơn 110mg; Trạch tả 50mg; Cao đặc dược liệu (tương đương: Hoài sơn 50mg; Trạch tả 70mg; Sơn thù 160mg; Thục địa 320mg) 370mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 02 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên	VD-33177-19
46	Nhân sâm tam thất TW3	Nhân sâm 50mg; Tam thất 20mg	Viên nén ngậm	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 12 viên	VD-33178-19
47	Pzitam	Piracetam 400mg; Cinnarizin 25mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 06 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-33179-19
48	Thập toàn đại bổ TW3	Nhân sâm 10mg;	Viên nang	24	TCCS	Hộp 02 vỉ x 10	VD-33180-19

		Quế Nhục 30mg; Xuyên khung 80mg; Bạch Linh 110mg; Bạch thược 110mg; Đương quy 110mg; Cao đặc dược liệu (tương đương: Cam thảo 30mg; Hoàng kỳ 110mg; Bạch truat 110; Thục địa 160mg) 150mg	cứng	tháng		viên; Hộp 05 vi x 10 viên	
49	Tiêu độc nhuận gan mật TW3	Mỗi chai 100ml chứa: Actiso 7,7g; Nhân trần 5,8g; Ké đầu ngựa 5,8g; Kim ngân 5,8g; Kim tiền thảo 5,8g; Thảo quyết minh 4,6g; Long đởm 4,6g; Chi tử 4,6g; Xuyên khung 4,6g	Thuốc nước	36 tháng	TCCS	Hộp 01 chai 125ml; Hộp 01 chai 150ml; Hộp 01 chai 200ml; Hộp 01 chai 250ml	VD-33181-19
50	Viên sáng mắt TW3	Mỗi túi 5g hoàn cứng chứa: Thục địa 0,4g; Bạch linh 0,3g; Đương quy 0,3g; Hoài sơn 0,3g; Mẫu đơn bì 0,3g; Sài hồ 0,3g; Sơn thù 0,3g; Trạch tả 0,3g; Ngũ vị tử 0,1g	Hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 túi x 5g	VD-33182-19

26. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Đ/c: 160 Tôn Đức Thắng - Hà Nội - Việt Nam)

26.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Đ/c: Thanh Xuân, Sóc Sơn, TP. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
51	Sâm Nhung Bỏ Thận Trung Ương I (NSX: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco; Địa chỉ: Thanh Xuân, Sóc Sơn,	Mỗi viên nang cứng chứa cao khô hỗn hợp dược liệu (tương đương Ba kích 60 mg; Hà thủ ô đỏ 58 mg; Bách	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 10 vi x 10 viên. Hộp 1 lọ x 60 viên, 120 viên.	VD-33184-19

TP. Hà Nội; NSX cao dược liệu: Công ty cổ phần BV Pharma, Địa chỉ: Ấp 2, xã Tân Thanh Tây, Huyện Cù chi, Tp. Hồ Chí Minh	hộp 60 mg; Nhân sâm 7,2 mg; Bạch linh 58 mg; Nhục thung dung 24 mg; Bạch truật 36 mg; Nhung hươu 2,4 mg; Cam thảo 5 mg; Hạt sen 88 mg; Thò ty tử 40 mg; Câu kỷ tử 40 mg; Thục địa 240 mg; Câu tích 30 mg; Trạch tả 30 mg; Hoài sơn 76 mg; Tục đoạn 58 mg; Đảng sâm 24 mg; Xuyên khung 30 mg; Đỗ trọng 24 mg; Viễn chí 16 mg; Đương quy 40 mg) 125 mg; Cao khô Lộc giác 28,8 mg					
---	--	--	--	--	--	--

27. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Đ/c: 160 Tôn Đức Thắng - Hà Nội - Việt Nam -)

27.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Đ/c: 160 Tôn Đức Thắng - Hà Nội - Việt Nam -)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
52	Fabamox 1000 DT	Amoxicilin (dưới dạng Amoxcilin trihydrat) 1000 mg	Viên nén phân tán	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 7 viên	VD-33183-19

28. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ (Đ/c: 93 Linh Lang, Ba Đình, Hà Nội - Việt Nam)

28.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ (Đ/c: Lô M1, đường N3, KCN Hòa Xá, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
53	Ravonol	Paracetamol 500 mg; Loratadin 5mg; Dextromethorphan	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 25 vỉ x 4 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-33185-19

54	Viên ngậm ho bổ phế Trường bách diệp Trường Thọ	hydrobromid 15mg Mỗi viên chứa 200 mg cao đặc hỗn hợp được liệu tương đương: Bạch linh 36 mg; Cát cánh 150 mg; Tỳ bà diệp 260 mg; Tang bạch bì 150 mg; Ma hoàng 26,5 mg; Thiên môn đông 48,5 mg; Bạc hà 66,6 mg; Bách bộ 150 mg; Bán hạ chế 200 mg; Mỡ muối 112,5 mg; Cam thảo 23,6 mg; Ngũ vị tử 100 mg; Tinh dầu bạc hà 2,4 mg; ;	Viên ngậm	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 12 viên	VD-33186-19
----	---	--	-----------	----------	------	--------------------	-------------

28.2 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ (Đ/c: Lô M1, đường N3, KCN Hòa Xá, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
55	Phòng phong	Phòng phong	Nguyên liệu làm thuốc	24 tháng	TCCS	Túi 0,5 kg, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20 kg	VD-33187-19

29. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế (Đ/c: Số 31 - Đường Ngô Thời Nhiệm - Phường 6 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

29.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế (Đ/c: Lô III-18 đường số 13 - Khu công nghiệp Tân Bình - Quận Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
56	Diệp hạ châu-Herbagreen	Cao khô Diệp hạ châu (tương đương 4200mg Diệp hạ châu) 600mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vỉ x 10 viên; Hộp 02 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên	VD-33188-19

30. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm VCP (Đ/c: xã Thanh Xuân- Sóc Sơn- Hà Nội - Việt Nam)

30.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm VCP (Đ/c: xã Thanh Xuân- Sóc Sơn- Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
57	Benadyl	Mỗi 1ml dung dịch chứa Diphenhydramin hydroclorid 20mg; kẽm acetat 1mg	Dung dịch dùng ngoài	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 10ml	VD-33189-19
58	Piperacilin VCP	Piperacilin (dưới dạng Piperacilin natri 1,04g) 1g	Thuốc bột pha tiêm	36 tháng	USP 38	Hộp 1 lọ, 10 lọ; Hộp 1 lọ + 01 ống nước cất 5ml (số đăng ký VD-18637-13 hoặc VD-22389-15)	VD-33190-19

31. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt) (Đ/c: Đường số 5, KCN Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An - Việt Nam)

31.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt) (Đ/c: Đường số 5, KCN Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
59	Diệp hạ châu Đông Dược Việt	Cao đặc diệp hạ châu đắng (tương đương 1500 mg Diệp hạ châu đắng) 300 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 50 viên, 60 viên, 100 viên	VD-33192-19
60	Hoạt huyết dưỡng não Đông Dược Việt	Cao đặc dược liệu: 470mg (tương đương 2.100mg dược liệu bao gồm: Hoàng kỳ 1.200mg; Xích thược 180mg; Xuyên khung 120mg; Đương quy 240mg; Địa long 120mg; Đào nhân 120mg;	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 50 viên, 60 viên, 100 viên	VD-33193-19

		Hồng hoa 120mg)					
61	Tiêu ban giải độc Đông Dược Việt	Cao lỏng hỗn hợp được liệu 5,7ml (tương đương với 5.700mg được liệu bao gồm: Huyền sâm 1.200mg; Địa hoàng 900mg ; Phục linh 900mg; Kim ngân hoa 900mg; Kế đầu ngựa 900mg; Hạ khô thảo 900mg)	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 10 ống, 15 ống x 10 ml; Hộp 1 chai 100ml	VD-33194-19

32. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt) (Đ/c: Đường số 5, KCN Long Hậu-Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An - Việt Nam)

32.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt) (Đ/c: Đường số 5, KCN Long Hậu-Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
62	Bảo nhi Đông Dược Việt	Cao lỏng hỗn hợp được liệu 1,2ml (tương đương 5.850mg được liệu, bao gồm: Sa sâm 900mg; Bạch truật 600mg; Hoài sơn 900mg; Trần bì 300mg; Thần khúc 300mg; Phục linh 900mg; Cam thảo 300mg; Bạch biển đậu 600mg; Sơn tra 600mg; Bạch thược 450mg)	Thuốc cốm	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 20 gói x 3g	VD-33191-19

33. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái. (Đ/c: Số 725, Đường Yên Ninh, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái. - Việt Nam)

33.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái. (Đ/c: Số 725, Đường Yên Ninh, TP Yên Bái, Tỉnh Yên Bái. - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
63	Giải cảm	Bột Xuyên khung 0,1g; Bột Bạch chỉ 0,1g; Bột Hương phụ 0,03g; Cao đặc Hương phụ (tương đương 0,17g Hương phụ) 0,02g; Bột phòng phong 0,02g; Bột Thương truật 0,03g; Bột Hoàng cầm 0,03g; Bột Sinh địa 0,03g; Bột Tế tân 0,02g; Bột Cam thảo 0,02g; Bột Khương Hoạt 0,02g	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 túi x 5 vỉ x 10 viên, hộp 1 túi x 10 vỉ x 10 viên	VD-33195-19
64	Thuốc ho thảo dược	Mỗi chai 100 ml chứa: Cát cánh 6 g; Kinh giới 10 g; Tử uyển 10 g; Bách bộ 10 g; Hạnh nhân 10 g; Cam thảo 8 g; Trần bì 8 g; Mạch môn 10 g	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 100 ml + 1 cốc chia liều.	VD-33196-19

34. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược S.Pharm (Đ/c: 45-47 Hai Bà Trưng, phường 1, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng - Việt Nam)

34.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược S.Pharm (Đ/c: Lô G, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
65	Vitamin B1 250mg	Thiamin mononitrat 250 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ, 50 vỉ x 10 viên/vỉ. Chai 100, 200, 500 viên.	VD-33197-19

35. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex (Đ/c: 358 Đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội - Việt Nam)

35.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược TW Mediplantex (Đ/c: Nhà máy dược phẩm số 2: Trung Hậu, Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
66	Coxvic 50	Cao Pygeum africanum (tương đương với tổng sterol tính theo beta-sitosterol không được ít hơn 6,5 mg) 50mg;	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-33198-19
67	Vitamin C 500mg	Acid ascorbic 500mg	Viên nén bao phim	24 tháng	ĐENVN IV	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-33199-19

36. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược TW Mediplantex (Đ/c: 358 Giải phóng, P. Phương Liệt, Thanh xuân, Hà Nội - Việt Nam)

36.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược TW Mediplantex (Đ/c: Nhà máy dược phẩm số 2: Trung Hậu, Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
68	Medibogan	Cao khô Actiso (tương đương 14g lá actiso) 200mg; Cao khô Rau đắng đất (tương đương với 1,05g mg Rau đắng đất) 150mg; Cao khô Bìm bìm biếc (tương đương 228,8mg hạt bìm bìm biếc) 16mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-33200-19

37. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Vacopharm (Đ/c: Số 59 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An - Việt Nam)

37.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Vacopharm (Đ/c: Km 1954, quốc lộ 1A, P. Tân Khánh, TP. Tân An, Long An - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
69	Vacoflon	Diosmin 450 mg; Hesperidin 50 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ, 100 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ, 4 vỉ, 100 vỉ x 15 viên; Chai 60 viên, 100 viên, 200 viên, 500 viên, 1.000 viên	VD-33201-19
70	Vacondazol 500 caps	Metronidazole 500 mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ, 20 vỉ, 50 vỉ, 100 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên, 200 viên, 500 viên, 1.000 viên	VD-33202-19

38. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương (Đ/c: Số 102 Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương - Việt Nam)

38.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương (Đ/c: Số 102 Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
71	Piracetam 400 mg	Piracetam 400mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-33203-19

38.2 Nhà sản xuất: Nhà máy HDPHARMA EU-Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương (Đ/c: Thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường Cẩm Thượng, Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
72	Hadupara	Paracetamol 500mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 12 viên; hộp 1 lọ 100 viên, 200 viên, 500 viên	VD-33204-19
73	Hadupara Extra	Paracetamol 650mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 12 viên; Hộp 1 lọ 100 viên, 200	VD-33205-19

74	Oresol	Mỗi gói chứa: Natri clorid 0,52g ; Natri citrat 0,58g; Kali clorid 0,3g ; Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat 2,97g) 2,7g	Thuốc bột uống	36 tháng	TCCS	viên, 500 viên Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói, 40 gói x 4,41g	VD-33206-19
----	--------	--	----------------	----------	------	--	-------------

39. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam (Đ/c: *Cụm công nghiệp Hoàng Đông, Duy Tiên, Hà Nam - Việt Nam*)

39.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam (Đ/c: *Cụm công nghiệp Hoàng Đông, Duy Tiên, Hà Nam - Việt Nam*)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
75	Thendacin 450 Tabs	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin hydrochlorid) 450mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-33207-19
76	Tretinoid Softgel	Tretinoin 10mg	Viên nang mềm	24 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 100 viên	VD-33208-19

40. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l (Đ/c: *Số 2A, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam- Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam*)

40.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l (Đ/c: *Số 2A, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam- Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam*)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
77	Sydracxin (CSNQ: Korea United Pharm. Inc - Địa chỉ: 25-23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-Myeon, Sejong-si, Korea)	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydroclorid 582mg) 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 40	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-33209-19

41. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco (Đ/c: *66-Quốc lộ 30-P. Mỹ Phú-TP. Cao Lãnh-Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam*)

41.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco (Đ/c: *66-Quốc lộ 30-P. Mỹ Phú-TP. Cao Lãnh-Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam*)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
78	Dotoux Extra	Paracetamol 500mg; Phenylephrin hydroclorid 10mg; Clorpheniramin maleat 2mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 1 túi nhôm x 2 vỉ x 10 viên; Hộp 2 túi nhôm x 5 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 100 viên	VD-33210-19

42. Công ty đăng ký: Công ty CP sinh học dược phẩm Ba Đình (Đ/c: KCN Quế Võ - Bắc Ninh - Việt Nam)

42.1 Nhà sản xuất: Công ty CP sinh học dược phẩm Ba Đình (Đ/c: KCN Quế Võ - Bắc Ninh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
79	Ciel 200	Mifepriston 200mg	Viên nén	48 tháng	TCCS	Hộp 01 vỉ x 01 viên	VD-33211-19

43. Công ty đăng ký: Công ty CPDP PQA (Đ/c: Thửa 99, Khu Đồng Quàn, Đường 10, Xã Tân Thành, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định - Việt Nam)

43.1 Nhà sản xuất: Công ty CPDP PQA (Đ/c: Thửa 99, Khu Đồng Quàn, Đường 10, Xã Tân Thành, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
80	PQA Ngũ sắc	Mỗi lọ 15 ml chứa: Dịch chiết Hoa ngũ sắc (tương đương với 15 g Hoa ngũ sắc) 15 ml	Dung dịch dùng ngoài	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ xịt 15 ml	VD-33212-19

44. Công ty đăng ký: Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH) (Đ/c: TS 509, tờ bản đồ số 01, cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

44.1 Nhà sản xuất: Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH) (Đ/c: TS 509, tờ bản đồ số 01, cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

81	Lodegald - Eso	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi dihydrat pellets 8,5%) 20mg	Viên nang cứng chứa vi nang bao tan trong ruột	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên	VD-33213-19
82	Verfucas	Albendazol 400mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 1 viên	VD-33214-19

45. Công ty đăng ký: Công ty liên doanh Meyer-BPC (Đ/c: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre - Việt Nam)

45.1 Nhà sản xuất: Công ty liên doanh Meyer-BPC (Đ/c: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến tre - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
83	Allernose MM	Mỗi 5ml dung dịch chứa Brompheniramin maleat 4mg; Phenylephrin hydroclorid 10mg	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 20 gói x 5ml; Hộp 20 ống x 5ml; Hộp 1 chai 30ml, 45ml, 60ml	VD-33215-19

46. Công ty đăng ký: Công ty TNHH BRV Healthcare (Đ/c: Khu A, số 18, đường số 09, ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

46.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH BRV Healthcare (Đ/c: Khu A, số 18, đường số 09, ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
84	Bổ phế - BVP	100 ml cao lỏng hỗn hợp dược liệu tương ứng với các dược liệu sau: Bách bộ 5g; Tỳ bà diệp 2,6g; Bán hạ chế 1,5g; Tang bạch bì 1,5g; Cát cánh 1,366g; Bạc Hà 1,333g; Mơ muối 1,126g; Thiên môn 0,966g; Bạch linh 0,72g; Cam thảo 0,473g; Ma hoàng 0,525g; Phèn chua	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 100ml, 125ml (chai thủy tinh hoặc chai PET)	VD-33216-19

		0,166g; Tinh dầu Bạc hà 0,08g					
--	--	----------------------------------	--	--	--	--	--

47. Công ty đăng ký: Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long (Đ/c: Số 2 Đường 430, Ấp 1, Xã Phước Vĩnh An, Huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh - VIỆT NAM)

47.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long (Đ/c: Số 2 Đường 430, Ấp 1, Xã Phước Vĩnh An, Huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
85	Huỳnh Long	Mỗi gói 4g chứa: Mộc hương 0,48 g; Hoàng bá 0,48 g; Ô dược 0,48 g; Mai mực 0,44 g; Hương phụ 0,44 g; Nghệ 0,4 g; Trần bì 0,32 g; Bạch cập 0,32 g; Cam thảo 0,32 g	Viên hoàn cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 4 g	VD-33217-19

48. Công ty đăng ký: Công ty TNHH DP Trung Nam (Đ/c: 402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM - Việt Nam)

48.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm (Đ/c: Đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
86	Mifetone 200mcg	Misoprostol phân tán trong HPMC 2910 (tỷ lệ 1:100) (tương đương với 200mcg Misoprostol) 20mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén	VD-33218-19

49. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Glomed (Đ/c: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

49.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Glomed (Đ/c: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

87	Lipodis 10/40	Ezetimib 10mg; Simvastatin 40mg	Viên nén	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm/nhôm và vỉ nhôm/PVC)	VD-33219-19
88	ZOREMAX 70	Alendronic acid (dưới dạng Alendronat natri) 70mg	Viên nén	36 tháng	USP 40	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 4 viên	VD-33220-19

50. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM (Đ/c: Lô B - Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

50.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM (Đ/c: Lô B - Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
89	Giberyl 12	Galantamin (dưới dạng Galantamin hydrobromid) 12mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 14 viên; Hộp 05 vỉ x 14 viên; Hộp 10 vỉ x 14 viên	VD-33221-19
90	Giberyl 8	Galantamin (dưới dạng Galantamin hydrobromid) 8mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 14 viên; Hộp 05 vỉ x 14 viên; Hộp 10 vỉ x 14 viên	VD-33222-19

51. Công ty đăng ký: Công ty TNHH MTV 120 Armephaco (Đ/c: 118 Vũ Xuân Thiều, P. Phúc Lợi, Q. Long Biên, TP. Hà Nội - Việt Nam)

51.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH MTV 120 Armephaco (Đ/c: 118 Vũ Xuân Thiều, P. Phúc Lợi, Q. Long Biên, TP. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
91	Aphagystin	Nystatin 100 000 IU; Metronidazol 500 mg	Viên nén đặt phụ khoa	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên.	VD-33223-19
92	Myogynan SH	Metronidazol 500 mg; Nystatin (tương ứng 20 mg) 100.000 UI; Neomycin sulfat (tương ứng 100 mg) 65.000 UI	Viên nén đặt âm đạo	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 6 viên/vỉ Alu-Alu	VD-33224-19
93	SPOSAMIN	Glucosamin sulfat	Viên nang	36	TCCS	Hộp 10 vỉ	VD-33225-19

		(dưới dạng glucosamin sulfat kali clorid 331,71mg) 250mg	cứng	tháng		Alu/PVC x 10 viên	
--	--	--	------	-------	--	-------------------	--

52. Công ty đăng ký: Công ty TNHH MTV dược phẩm Phước Sanh Pharma (Đ/c: 272C, khu 3, TT. Đức Hòa, huyện Đức Hòa, Long An - Việt Nam)

52.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH MTV dược phẩm Phước Sanh Pharma (Đ/c: 272C, khu 3, TT. Đức Hòa, huyện Đức Hòa, Long An - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
94	Rhinips	Cao khô hỗn hợp được liệu 42mg và 390 mg bột được liệu (tương ứng với: Bạch chỉ 450mg; Tân di hoa 240mg; Thương nhĩ tử 120mg); Tinh dầu bạc hà 0,3mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ 30 viên, 60 viên	VD-33226-19

53. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Nam Dược (Đ/c: Lô M 13 (C4-9) - Khu Công nghiệp Hoà Xá, xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định - Việt Nam)

53.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Nam Dược (Đ/c: Lô M 13 (C4-9) - Khu Công nghiệp Hoà Xá, xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
95	Hoạt huyết dưỡng não Nam dược	Cao đặc rễ đinh lăng (tỷ lệ dược liệu/cao là 1,4/1) 150 mg; Cao khô lá bạch quả 40 mg	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 20 viên bao đường	VD-33227-19
96	Nam dược hoạt huyết dưỡng não 80	Cao đặc rễ đinh lăng 1,4:1 150 mg; Cao khô lá bạch quả 80 mg	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 20 viên	VD-33228-19
97	Thăng áp Nam Dược	Bột nhân sâm 0,12 g; Cao khô Hoàng kỳ (trương đương 0,3 g Hoàng kỳ) 0,04 g; Cao khô hỗn hợp dược liệu	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	VD-33229-19

		(tương đương: A giao 0,15 g; Sinh địa 0,2 g; Mạch môn 0,15 g; Cam thảo 0,15 g; Trần bì 0,15 g; Ngũ vị tử 0,12 g; Chỉ xác 0,1 g) 0,24 g					
--	--	---	--	--	--	--	--

54. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Phil Inter Pharma (Đ/c: Số 20, đại lộ Hữu Nghị, Khu CN Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)

54.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Phil Inter Pharma (Đ/c: Số 20, đại lộ Hữu Nghị, Khu CN Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
98	Ceralon	Cao khô lá bạch quả (tương đương Ginkgo flavonol glycoside toàn phần 28,8 mg) 120mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-33230-19

55. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Sunny Inter Pharma (Đ/c: 39/72/82 Tôn Thất Tùng, P. Khuong Thượng, Đống Đa, Hà Nội - Việt Nam)

55.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150 (Đ/c: 112 Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
99	Bwincetam	Mỗi gói chứa: Piracetam 1200 mg	Thuốc cốm pha dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 2 gói nhôm lớn, mỗi gói chứa 30 gói nhỏ x 2g	VD-33231-19

56. Công ty đăng ký: Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam (Đ/c: Số 3A - Đường Đặng Tất - Phường Tân Định - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

56.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam (Đ/c: Số 60 - Đại lộ Độc lập - KCN Việt Nam-Singapore - Phường An Phú - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

100	Tanacold flu	Paracetamol 325mg; Guaifenesin 200mg; Dextromethorphan HBr 10mg; Phenylephrin HCl 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Lọ 100 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-33232-19
101	Tussicaps	Paracetamol 325mg; Phenylephrin HCl 5mg; Dextromethorphan HBr 10mg; Guaifenesin 100mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 01 lọ 50 viên; Hộp 100 viên	VD-33233-19

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Cường

PHỤ LỤC II. DANH MỤC 01 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ
LƯU HÀNH HIỆU LỰC 3 NĂM - ĐỢT 165 BỔ SUNG

Ban hành kèm theo Quyết định số: 650./QĐ-QLD, ngày 23./10./2019

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Bidopharma USA (Đ/c: 263/11 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

1.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Bidopharma USA - Chi nhánh Long An (Đ/c: Đường số 6, kho K2-1, KCN. Tân Kim mở rộng, ấp Tân Phước, xã Tân Kim, Cần Giuộc, Long An - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Silkbiron	Mỗi 10 gam kem chứa: Clotrimazol 100 mg; Gentamicin (Dưới dạng Gentamicin sulfat) 10 mg; Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat 6,43mg) 5 mg	Kem bôi da	36 tháng	TCCS	Hộp 1 tuýp x 10 g	VD3-25-19

CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường

